

MÁY ĐO NỒNG ĐỘ TRẦM TÍCH LƠ LỬNG

1. *Tên thiết bị:* MÁY ĐO NỒNG ĐỘ TRẦM TÍCH LƠ LỬNG LISST25X

2. *Mã ký hiệu:*

3. *Hãng sản xuất/Nước sản xuất:* SEQUOIA/Mỹ

4. *Ảnh chụp toàn cảnh thiết bị, mô tả thiết bị:*



5. *Thông số kỹ thuật chủ yếu (Specifications):*

- Các tham số đo đạc - Parameters Measured
 - Particle Volume Concentration (μl)
 - Sauter Mean Diameter (SMD)
 - Optical Transmission
 - Depth (meters)
- Độ dài quang học - Optical Path
 - 2.5 cm optical path with 0.1% resolution
- Dải đo - Operating Range
 - Concentration: Approximately 0.1 to 1,000 mg/l with 30 micron (limits change linearly with particle size)
 - Size Range: 1.25-250 μm (Type B), or 2.50-500 μm (Type C)
 - Transmission: 0 – 100% (optimal range for measuring concentration and SMD: 30-98%)
- Dung lượng bộ nhớ - Data Storage
 - 28,000 recordings of measured parameters
- Nguồn điện - Power Supply
 - Internal 4 x 9V alkaline batteries

- External 6-12V DC @ 250 ma maximum
- Kích thước - Physical Dimensions
 - 3.5” diameter x 18” long (8.0 cm diameter x 45 cm L)
 - 8.0 lbs (3.6 kg) in air
 - 2.0 lbs (0.9 kg) in water
- Độ sâu hoạt động - Depth Rating
 - 300 meters

6. Nguyên lý hoạt động:

- Đo nồng độ trầm tích bằng 1 sensor quang học gồm 2 mặt: mặt phát và thu nhận ánh sáng. Dựa trên tỷ lệ cường độ sáng thu được sẽ tính toán ra được nồng độ trầm tích có trong nước
- Đo mực nước bằng 01 sensor áp suất.

7. Các thông số của sản phẩm mà thiết bị đo được:

- Nồng độ trầm tích
- Mực nước

8. Một số kết quả điển hình:

9. Yêu cầu cơ bản đối với đối tượng khảo sát:

10. Lĩnh vực áp dụng và giới hạn của thiết bị:

- Đo nồng độ trầm tích tại cửa sông, ven biển

11. Địa điểm lắp đặt thiết bị: Trung tâm Động lực và Môi trường Biển – Phòng 204 – Nhà T3 – Trường Đại học Khoa học Tự nhiên – 334 Nguyễn Trãi – Hà Nội.

12. Năm đưa vào sử dụng: 2007

13. Cán bộ quản lý vận hành: PGS. TS. Nguyễn Thọ Sáo. Tel: 0912.008.553